

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu
trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 33/TTr-VPĐP ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng quản lý nhà nước và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, phối hợp với Văn phòng Điều phối Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 do Sở, ngành quản lý; thời gian: trong vòng 15 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định này.

2. Giao Văn phòng Điều phối Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh tổng hợp các hướng dẫn của các Sở, ban, ngành liên quan, ban hành Sở tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí nêu trên, nếu có vấn đề phát

sinh, Văn phòng Điều phối Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, cơ quan liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố kịp thời nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện, tham mưu UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí nêu trên, bảo đảm quy định pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Căn cứ hướng dẫn của các Sở, ban, ngành tỉnh phụ trách tiêu chí, chỉ tiêu để đánh giá từng tiêu chí, chỉ tiêu của các xã trên địa bàn theo Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

b) Hướng dẫn các xã rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu theo Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

c) Hàng năm, đánh giá, thẩm tra tiêu chí, chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu của các xã. Hoàn chỉnh hồ sơ, trình UBND tỉnh thẩm định, xét công nhận và công bố đối với các xã đạt chuẩn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban chỉ đạo TW các Chương trình MTQG;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT (NN-109/2) *ARC*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

Trần Tuệ Hiền

**BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH BÌNH PHƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 182 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2023
của UBND tỉnh Bình Phước)

I. ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ CHUNG

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn và thẩm định
1		Là xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng yêu cầu đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025)		
2	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người).	- Năm 2023 \geq 88 triệu đồng/người - Năm 2024 \geq 92 triệu đồng/người - Năm 2025 \geq 96 triệu đồng/người	Cục Thống kê
3	Mô hình thôn/ấp thông minh (trên địa bàn xã có ít nhất 01 thôn/ấp đạt mô hình thôn/ấp thông minh đảm bảo các yêu cầu)	3.1. Hạ tầng chuyển đổi số: Có hạ tầng mạng băng rộng cố định (cáp quang), mạng băng rộng di động (3G/4G/5G...) phủ khắp 100% địa bàn thôn/ấp	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		3.2. Có hệ thống camera giám sát an ninh tại các cửa ngõ ra/vào địa bàn ấp	Đạt	
		3.3. Có hệ thống loa thu phát truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông phục vụ công tác thông tin tuyên truyền trên địa bàn ấp	Đạt	
		3.4. Có thành lập tổ công nghệ số cộng đồng, hoạt động hiệu quả	Đạt	
		3.5. Tỷ lệ hộ sở hữu ít nhất 01 thiết bị điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng, máy tính có kết nối Internet	\geq 70%	

II. ĐẠT ÍT NHẤT MỘT TRONG CÁC TIÊU CHÍ KIỂU MẪU SAU				
TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn và thẩm định
1	Sản xuất	1.1. Hợp tác xã được tổ chức, hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012, hoạt động đạt loại khá trở lên, sản xuất gắn với liên kết chuỗi giá trị (có sử dụng nền tảng số trong quản lý và điều hành)	Đạt	Liên minh Hợp tác xã tỉnh
		1.2. Có quy mô thành viên từ 70 thành viên trở lên (không bao gồm các thành viên tham gia ở lĩnh vực cấp và tiêu thụ nước sinh hoạt nông thôn)	Đạt	
		1.3. Có dự án/kế hoạch liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	Đạt	
		1.4. Có lợi nhuận trước thuế từ 50 triệu đồng/năm trong ít nhất 03 năm liên tục và lợi ích mang lại cho thành viên phải đạt mức tối thiểu 100 triệu đồng/năm trong ít nhất 03 năm liên tục	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
		1.5. Có mô hình ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ cao, hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Đạt	
		1.6. Các ứng dụng trong mô hình: cơ giới hóa trong sản xuất, quy trình canh tác (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ), công nghệ số, công nghệ thông tin trong toàn bộ các khâu của chuỗi giá trị, công nghệ sau thu hoạch, sơ chế, bảo quản...	Đạt	

		1.7. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn từ 03 sao trở lên và còn thời hạn	Đạt	
2	Giáo dục	Xã nổi trội về giáo dục khi trên địa bàn xã có ít nhất 01 đơn vị trường học các cấp (Mầm non, Tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt chuẩn quốc gia và trong 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu có ít nhất 01 đơn vị trường học đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Văn hóa	3.1. Có mô hình hoạt động văn hóa thể thao tiêu biểu, đặc trưng của địa phương, thu hút được trên 60% người dân tham gia. Thành lập được câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao tại Nhà văn hóa thôn, ấp đảm bảo duy trì sinh hoạt thường xuyên	Đạt	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
		3.2. Tỷ lệ người dân đến sinh hoạt tại các thiết chế cấp thôn đạt trên 45%.	Đạt	
		3.3. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở công cộng	100%	
		3.4. Di sản văn hóa trên địa bàn xã được giới thiệu, quảng bá trên các trang thông tin điện tử và trang báo của tỉnh. Tại thời điểm xét công nhận xã không để xảy ra các vụ khiếu kiện về di tích, vi phạm về công tác tu bổ tôn tạo di tích; không xảy ra các vụ bạo lực gia đình có tính chất trọng điểm; thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; 100% thôn, bản có hương ước, quy ước	Đạt	

		3.5. Tỷ lệ thôn, ấp được công nhận danh hiệu khu dân cư văn hóa 3 năm liên tục đạt từ 75% trở lên (trong đó, tại năm xét công nhận đạt từ 80% trở lên)	Đạt	
		3.6. Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hóa 3 năm liên tục đạt từ 75% trở lên (trong đó tại năm xét công nhận đạt từ 80% trở lên).	Đạt	
4	Du lịch	Xã có khu, điểm du lịch được công nhận; triển khai thực hiện việc quản lý, khai thác, phát triển khu, điểm du lịch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; đảm bảo các điều kiện đón và phục vụ khách du lịch; giữ gìn, phát triển tài nguyên du lịch, vệ sinh môi trường và an ninh trật tự, an toàn cho du khách đảm bảo theo quy định; thực hiện tốt nếp sống văn minh trong hoạt động du lịch tại địa bàn; có sự tham gia hiệu quả của cộng đồng dân cư vào các hoạt động du lịch	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Cảnh quan Môi trường	5.1. Có ít nhất 50% tuyến đường trên địa bàn xã được trồng hoa hoặc cây xanh toàn tuyến; các khu công cộng được trồng cây xanh, cây bóng mát. Ao, hồ, khu vực công cộng được giữ gìn, bảo vệ, phục hồi và cải tạo thành các khu vui chơi giải trí, khu vực tập thể dục, khu sinh hoạt cộng đồng, khu vực học bơi cho trẻ em	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		5.2. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom xử lý theo quy định trên 98%; công tác vệ sinh môi trường đường làng, ngõ xóm được duy trì thường xuyên, kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khai thông dòng	Đạt	

		cháy, phát quang, kê bờ và xây dựng cảnh quan (không có hiện tượng tù đọng nước thải và rác thải dưới kênh mương thoát nước). Khuôn viên trụ sở UBND xã, trạm y tế, trường học và nhà văn hóa thôn, ấp phải được chỉnh trang, vệ sinh sạch sẽ, trồng cây xanh, cây hoa phù hợp cảnh quan và có nước sinh hoạt, nhà vệ sinh an toàn		
		5.3. Hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 60\%$	
		5.4. Có ít nhất một mô hình về thu gom, phân loại và xử lý rác thải nhựa được triển khai có hiệu quả và bền vững với quy mô cấp xã được đánh giá đạt	≥ 01	
		5.5. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 5m^2/\text{người}$	Sở Nông nghiệp và PTNT
6	An ninh trật tự	6.1. Không để xảy ra tội phạm nghiêm trọng trở lên trong 03 năm liền trước khi công nhận	Đạt	Công an tỉnh
		6.2. Trong 3 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã: không có khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; các loại tệ nạn, tội phạm xã hội và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế so với cùng kỳ; không có tụ điểm phức tạp về an ninh trật tự và tệ nạn xã hội	Đạt	
		6.3. Có 01 mô hình điển hình tiên tiến trong công tác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; Khu dân cư, các tuyến đường	Đạt	

		giao thông liên xã đến ngõ xóm được lắp camera hoạt động 24/24 và Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt động thường xuyên và được đánh giá loại Khá trở lên		
7	Chuyển đổi số	7.1. Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 đạt tối thiểu 60%	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		7.2. Tỷ lệ thôn/ấp có thành lập tổ công nghệ số cộng đồng, hoạt động hiệu quả đạt 100%	Đạt	
		7.3. Có 95% văn bản đi được ký số theo quy định (trừ văn bản mật) và trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử trên môi trường mạng	Đạt	
		7.4. Xã có phòng HỌp trực tuyến	Đạt	
		7.5. Xã có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông	Đạt	
		7.6. Xã có hệ thống camera an ninh được lắp đặt trên các tuyến đường liên thôn/ấp, xã và hoạt động có hiệu quả	Đạt	
8	Y tế	8.1. Xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Sở Y tế
		8.2. Trạm y tế xã có cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất đảm bảo đồng bộ, hiện đại, đủ điều kiện thực hiện 100% gói dịch vụ y tế cơ bản theo quy định của Bộ Y tế; có danh mục thuốc, vật tư, hóa chất, trang thiết bị y tế phải đạt từ 90% trở lên theo quy định của Bộ Y tế; theo dõi, quản lý được trên 90% các bệnh không lây nhiễm phổ biến (Tăng huyết áp, đái tháo đường, hen phế quản) trên địa bàn xã	Đạt	

		8.3. Tổ chức thực hiện tốt các chương trình chăm sóc sức khỏe trên địa bàn; Trạm y tế xã có kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với tổ chức, đoàn thể có liên quan tại địa phương, có phong trào và định kỳ (ít nhất hàng tuần) tổ chức hoạt động vệ sinh môi trường hộ gia đình, đường làng, ngõ xóm, khu dân cư	Đạt	
		8.4. Triển khai đa dạng các mô hình chăm sóc, nâng cao sức khỏe cộng đồng	Đạt	
		8.5. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	Năm 2023-2025: $\geq 96\%$	

